1562

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC MA-LAI-XI-A

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC MA-LAI-XI-A,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, đã thỏa thuận dưới đây:

ĐIỀU 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1/ Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết đánh vào thu nhập bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Việt nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân;
(ii) thuế lợi tức; và
(iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt nam");

b. tại Ma-lai-xi-a:

(i) thuế thu nhập; và
(ii) thuế thu nhập dầu khí;

(dưới đây được gọi là "thuế Ma-lai-xi-a").

3/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

ĐIỀU 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a. từ "Việt nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam, khi dùng theo nghĩa địa lý, từ đó bao gồm toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt nam, kể cả lãnh hải Việt nam và mọi vùng ở ngoài và đi liền với lãnh hải Việt nam, được xác định hoặc sau này có thể được xác định theo luật pháp Việt nam phù hợp với luật pháp quốc tế, là vùng thuộc quyền chủ quyền của Việt nam liên quan đến việc thăm dò và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên tại đó;

b. từ "Ma-lai-xi-a" có nghĩa là các vùng lãnh thổ của Liên bang Ma-lai-xi-a, các vùng lãnh hải của Ma-lai-xi-a và đáy biển và lòng đất dưới đáy biển trong các vùng lãnh hải, và gồm cả bất kỳ vùng nào mở rộng ngoài giới hạn các cùng lãnh hải của Ma-lai-xi-a, và đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của các vùng dó là nơi đã hoặc sau này có thể được chỉ định theo các luật của Ma-lai-xi-a phù hợp với luật pháp quốc tế là vùng tại đó Ma-lai-xi-a có các quyền chủ quyền đối với hoạt động thăm dò và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cho dù là sinh vật hay phi sinh vật;

c. thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt nam hay Ma-lai-xi-a tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

d. thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty hay bất kỳ tổ chức nhiều dối tượng nào khác được coi là đối tượng dưới giác độ thuế;

e. thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

f. thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g. thuật ngữ " đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch hay hưởng quyền công dân của một Nước ký kết;

(ii) bất kỳ pháp nhân, tổ chức hùn vốn và hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

h. thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một xí nghiệp của một Nước ký kết, trừ khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia; và

i. thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

(ii) trong trường hợp đối với Ma-lai-xi-a, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

j. từ "thuế" có nghĩa là thuế Việt nam hay thuế Ma-lai-xi-a; tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi.

2/ Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng.

ĐIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa :

a. trong trường hợp của Ma-lai-xi-a, là một đối tượng là đối tượng cư trú tại Ma-lai-xi-a theo nghĩa về thuế Ma-lai-xi-a; và

b. trong trường hợp của Việt nam, là một đối tượng là đối tượng cư trú tại Việt nam theo nghĩa về thuế Việt nam.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1 khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. nếu như không thể xác định được Nước ký kết nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó thường sống;

c. nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước hay không sống thường xuyên ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d. nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hay không mang quốc tịch của Nước nào, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1 khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó, đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước nơi đóng trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó.

ĐIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a. trụ sở diều hành;

b. chi nhánh;

c. văn phòng;

d. nhà máy;

e. xưởng;

f. mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác, kể cả gỗ hoặc sản phẩm rừng khác; và

g. trang trại hoặc địa điểm trồng trọt.

3/ Một địa điểm xây dựng hay công trình xây dựng, lắp đặt hoặc lắp ráp tạo thành một cơ sở thường trú nếu địa điểm hay công trình đó kéo dài trong giai đoạn trên sáu tháng;

4/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a. việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hoặc giao hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp;

b. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng;

c. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích để cho xí nghiệp khác gia công;

d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp;

e. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho xí nghiệp;

f. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ để cho bất kỳ sự kết hợp nào của các hoạt động được nêu từ điểm (a) tới điểm (e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định từ sự kết hợp trên mang tính chất chuẩn bị hay phụ trợ.

5/ Một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu xí nghiệp tiến hành các hoạt động giám sát tại Nước kia trong thời gian trên sáu tháng có liên quan tới một công trình xây dựng, lắp đặt hay lắp ráp đang được thi công tại Nước kia.

6/ Một đối tượng (trừ một đại lý môi giới, đại lý hoa hồng hay bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7) hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp của Nước ký kết kia sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước thứ nhất, nếu:

a. đối tượng đó có và thường xuyên thực hiện tại Nước thứ nhất thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng được giới hạn trong phạm vi mua hàng hóa hay tài sản cho xí nghiệp;

b. đối tượng đó duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hóa hay tài sản thuộc xí nghiệp mà từ đó đối tượng thường xuyên đáp ứng các đơn đặt hàng thay mặt cho xí nghiệp; hoặc

c. đối tượng đó sản xuất hay gia công tại Nước thứ nhất cho xí nghiệp các hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp.

7/ Một xí nghiệp sẽ không được coi là có cơ sở thường trú tại một Nước ký kết nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên khi các hoạt động của một đại lý toàn bộ hay hầu như toàn bộ dành cho việc đại diện cho xí nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là một đại lý có tư cách độc lập nếu các nghiệp vụ kinh doanh giữa đại lý đó và xí nghiệp không được thực hiện theo các điều kiện giá thị trường.

8/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1/ Thu nhập mà một đối tượng cư trú một Nước ký kết thu được từ bất động sản nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như các luật của Nước ký kết nơi có tài sản. Trong mọi trường hợp thuật ngữ sẽ bao gồm cả tài sản đi liền với bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hay cố định trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ khoáng sản, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá và các địa điểm khai thác các tài nguyên thiên nhiên kể cả gỗ hay sản phẩm rừng khác; các tàu thủy, thuyền và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3/ Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1/ Lợi tức của một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú đó.

2/ Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hay tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, sẽ cho phép trừ các chi phí bao gồm chi phí điều hành và quản lý chung, các chi phí này có thể được khấu trừ nếu cơ sở thường trú là một xí nghiệp độc lập, trong phạm vi các chi phí được phân bổ hợp lý cho cơ sở thường trú đó, cho dù phát sinh tại Nước nơi đóng cơ sở thường trú hay bất kỳ nơi nào khác.

4/ Nếu thông tin cùng cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền không đủ để xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú của một xí nghiệp, không có nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng đến việc áp dụng bất kỳ luật nào của một Nước liên quan đến việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của một đối tượng bằng cách nhà chức trách có thẩm quyền thực hiện việc áp đặt hay ước tính, với điều kiện luật trên sẽ được áp dụng, trong phạm vi thông tin nhà chức trách có thẩm quyền đã có cho phép, phù hợp với những nguyên tắc của Điều này.

5/ Không một khoản lợi tức nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú chỉ vì cơ sở thường trú đó mua hàng hóa hay tài sản cho xí nghiệp.

6/ Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1/ Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

ĐIỀU 9

NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT

Khi:

a. một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

ĐIỀU 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần.

Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi tức dùng để chia lãi cổ phần.

3/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Ma-lai-xi-a trả cho một đối tượng thực hưởng là đối tượng cư trú của Việt nam sẽ được miễn thuế tại Ma-lai-xi-a đánh trên tiền lãi cổ phần bổ sung trên khoản thuế đánh vào thu nhập của công ty. Không nội dung nào tại khoản này ảnh hưởng đến các quy định của luật Ma-lai-xi-a mà theo luật đó thuế đối với tiền lãi cổ phần do công ty là đối tượng cư trú của Ma-lai-xi-a chi trả, làm cơ sở để khấu trừ, hay được coi là để khấu trừ, thuế Ma-lai-xi-a có thể được điều chỉnh theo thuế suất phù hợp đối với năm tính thuế của Ma-lai-xi-a tiếp sau năm trả tiền lãi cổ phần.

4/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế như thu nhập từ các cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

5/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc các dịch vụ đó. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6/ Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được lợi tức hay thu nhập từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú có tại Nước kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

ĐIỀU 11

LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1 và 2, Chính phủ của một Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia đối với khoản lãi từ tiền cho vay do Chính phủ thu được từ Nước kia.

4/ Theo nội dung của khoản 3, từ "Chính phủ":

a. trong trường hợp Việt nam có nghĩa là Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và sẽ gồm cả :

(i) Các cơ quan chính quyền địa phương;

(ii) Ngân hàng Nhà nước Việt nam; và

(iii) Các tổ chức mà toàn bộ vốn thuộc sở hữu của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam, hoặc các cơ quan chính quyền địa phương của Việt nam có thể được thỏa thuận trong từng thời kỳ giữa các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết;

b. trong trường hợp của Ma-lai-xi-a có nghĩa là Chính phủ Ma-lai-xi-a và sẽ gồm cả:

(i) Chính phủ của các Bang;

(ii) Các cơ quan chính quyền địa phương;

(iii) Ngân hàng Negara Ma-lai-xi-a; và

(iv) Các tổ chức mà toàn bộ vốn thuộc sở hữu của Chính phủ Ma-lai-xi-a hoặc của Chính phủ các Bang, hoặc của các cơ quan chính quyền địa phương của Ma-lai-xi-a có thể được thỏa thuận trong từng thời kỳ giữa các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết.

5/ Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường.

6/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay các dịch vụ đó. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

7/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương, hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng.

8/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay, liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ vẫn bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1/ Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình, bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay các dịch vụ đó. Trong trường hợp như vậy các quy định của Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú đó đóng.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền, liên quan đến việc sử dụng, quyền hay thông tin có số tiền bản quyền được trả, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ vẫn bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

1/ Phí dịch vụ kỹ thuật thu được từ một trong hai Nước ký kết bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia là đối tượng thực hưởng khoản phí đó và phải chịu thuế tại Nước kia đối với khoản phí đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết thứ nhất với thuế suất không quá 10 phần trăm tổng số khoản phí dịch vụ kỹ thuật.

2/ Thuật ngữ "phí dịch vụ kỹ thuật" được dùng ở Điều này có nghĩa là các khoản tiền dưới bất kỳ dạng nào trả cho một đối tượng, trừ trường hợp trả cho người làm thuê của đối tượng trả tiền, có liên hệ tới các hoạt động mang tính chất dịch vụ kỹ thuật, quản lý và tư vấn.

3/ Các quy định của khoản 1 Điều này sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản phí dịch vụ kỹ thuật là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi các khoản phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh thông qua một cơ sở thường trú đặt tại Nước đó, hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, và các khoản phí dịch vụ kỹ thuật có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú đó hay các dịch vụ đó. Trong trường hợp như vậy các quy định của Điều 7 hoặc Điều 15, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

4/ Các khoản phí dịch vụ kỹ thuật sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả phí chính là Nhà nước đó, một cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương của Nước đó, hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả phí dịch vụ kỹ thuật, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú liên quan đến trách nhiệm trả phí dịch vụ kỹ thuật đã phát sinh, và khoản phí dịch vụ kỹ thuật do cơ sở thường trú đó chịu thì khoản phí dịch vụ kỹ thuật như vậy sẽ được coi là phát sinh ở Nước ký kết nơi đặt cơ sở thường trú.

5/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả 2 đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản phí dịch vụ kỹ thuật được trả, vì bất cứ lý do gì, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản phí dịch vụ kỹ thuật khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp như vậy, phần thanh toán vượt sẽ vẫn bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

6/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản đã được nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi người chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 14

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3/ Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hay máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế, hay động sản gắn liền với việc hoạt động của các tàu thủy hay máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

4/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần của một công ty mà tài sản của công ty đó bao gồm toàn bộ hay phần lớn là bất động sản nằm tại một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

5/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản đã được nêu tại các khoản 1,2,3 và 4 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước nơi người chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 15

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1/ Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó. Tuy nhiên, trong các trường hợp sau đây thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

a. nếu đối tượng đó có mặt tại Nước kia trong một giai đoạn hay nhiều giai đoạn gộp lại tới hay trên 183 ngày trong năm tài chính có liên quan; hoặc

b. nếu tiền công cho các dịch vụ của đối tượng đó tại Nước kia do các đối tượng cư trú của Nước đó hay do một cơ sở thường trú mà một đối tượng không là đối tượng cư trú tại Nước đó có ở Nước đó trả và nếu số tiền này, trong từng trường hợp vượt quá 10.000 đô la Mỹ trong năm dương lịch có liên quan, mặc dù đối tượng có mặt tại Nước đó trong một giai đoạn hay nhiều giai đoạn gộp lại dưới 183 ngày trong năm tài chính đó.

2/ Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 16

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1/ Thể theo các quy định tại Điều 17, 19, 20 và 21, các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công thu được từ Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết thứ nhất nếu:

a. người nhận tiền công có mặt tại Nước kia trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại không quá 183 ngày trong năm tài chính có liên quan; và

b. chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia; và

c. số tiền công không phải do một đối tượng cư trú tại nước kia hay do một cơ sở thường trú mà chủ lao động có tại Nước kia chi trả.

3/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế có thể chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 17

THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 18

NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1/ Mặc dù có những quy định tại Điều 15 và 16, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại các Điều 7, 15 và 16.

3/ Các quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng đối với các khoản tiền công hoặc lợi tức từ các hoạt động được thực hiện tại một Nước ký kết nếu đợt viếng thăm Nước đó do quĩ công của Nước ký kết kia tài trợ toàn bộ hoặc chủ yếu một cách trực tiếp hay gián tiếp.

ĐIỀU 19

TIỀN LƯƠNG HƯU

Thể theo các quy định của khoản 2 Điều 20, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 20

PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1/a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước ký kết đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b. Tuy nhiên, khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

(ii) đã không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/ Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó trả hay từ các quỹ do các cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các dịch vụ được thực hiện cho Nước đó, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

3/ Các quy định của các Điều 16, 17, và 19 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền công lao động và lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

4/ Các cá nhân thực hiện việc phục vụ Chính phủ tại Điều này sẽ bao gồm nhân viên thi hành chức trách của Chính phủ, và cũng gồm cả các cá nhân làm việc tại các cơ quan hợp pháp sẽ được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết thỏa thuận trong từng thời kỳ.

ĐIỀU 21

SINH VIÊN VÀ HỌC SINH HỌC NGHỀ

Một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết ngay trước khi đến Nước ký kết kia và hiện tạm thời có mặt tại Nước kia chỉ với tư cách:

a. là sinh viên tại một trường đại học, cao đẳng hoặc trường đào tạo được công nhận hay học viện dào tạo tương tự khác được công nhận tại Nước kia;

b. là thực tập sinh học nghề hay thực tập sinh kỹ thuật;

c. là người nhận tiền tài trợ, trợ cấp hay giải thưởng của chính quyền của một trong hai Nước ký kết hoặc của một tổ chức khoa học, giáo dục, tôn giáo hay từ thiện hoặc theo chương trình trợ giúp kỹ thuật được Chính phủ từng Nước ký kết cho phép với mục tiêu ban đầu là học tập, nghiên cứu hay đào tạo,

sẽ được miễn thuế tại Nước kia đối với:

(i) tất cả các khoản tiền nhận được từ nước ngoài phục vụ cho các mục đích sinh hoạt, giáo dục, học tập, nghiên cứu hay đào tạo của cá nhân đó;

(ii) tổng số tiền tài trợ, trợ cấp hay giải thưởng trên; và

(iii) bất kỳ khoản tiền công nào không vượt quá 2.500 đô la Mỹ trong một năm đối với các dịch vụ tại Nước đó với điều kiện các dịch vụ này được thực hiện có liên quan đến việc học tập, nghiên cứu hay đào tạo của cá nhân đó hay cần thiết cho sinh hoạt của cá nhân đó.

ĐIỀU 22

GIÁO VIÊN, GIÁO SƯ VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

1/ Một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết ngay trước khi sang Nước ký kết kia, và là người, thể theo lời mời của bất kỳ trường đại học, cao đẳng hay tổ chức giáo dục tương tự khác được nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia công nhận, tới Nước kia trong một khoảng thời gian không quá hai năm chỉ với mục đích giảng dạy hay nghiên cứu hay cả hai mục đích này tại tổ chức giáo dục sẽ được miễn thuế tại Nước đó đối với bất kỳ khoản tiền công trả cho hoạt động giảng dạy hay nghiên cứu như vậy mà khoản tiền đó phải chịu thuế ở Nước ký kết thứ nhất.

2/ Điều này sẽ không áp dụng đối với thu nhập từ việc nghiên cứu nếu việc nghiên cứu như vậy được tiến hành trước tiên vì lợi ích riêng của một hay nhiều đối tượng nhất định.

ĐIỀU 23

THU NHẬP KHÁC

Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ khi nếu khoản thu nhập đó thu được từ các nguồn tại Nước ký kết kia thì khoản thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 24

XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1/ Các luật có hiệu lực tại từng Nước ký kết sẽ tiếp tục điều chỉnh chính sách thuế thu nhập của từng Nước ký kết trừ khi trong Hiệp định này có quy định rõ ràng khác với các luật đó. Khi thu nhập phải chịu thuế tại cả hai Nước ký kết, việc tránh đánh thuế hai lần sẽ được quy định phù hợp với các khoản dưới dây của Điều này.

2/ Khi một đối tượng cư trú của Việt nam nhận được thu nhập mà phù hợp với các luật của Ma-lai-xi-a và các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Ma-lai-xi-a, Việt nam sẽ cho phép trừ vào số thuế thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tiền bằng số thuế đã nộp tại Ma-lai-xi-a. Tuy nhiên, số thuế được trừ như vậy sẽ không vượt quá phần thuế Việt nam được tính trên khoản thu nhập đó trước khi cho phép khấu trừ.

3/ Theo nội dung của khoản 2, thuật ngữ "số thuế đã nộp tại Ma-lai-xi-a" sẽ được coi là bao gồm số thuế Ma-lai-xi-a mà theo các luật của Ma-lai-xi-a và phù hợp với Hiệp định này lẽ ra phải nộp trên bất kỳ khoản thu nhập nào thu được từ các nguồn từ Ma-lai-xi-a nếu thu nhập đó không được áp dụng thuế suất giảm hoặc được miễn thuế Ma-lai-xi-a phù hợp với:

a. Biểu 7A của Đạo Luật Thuế Thu nhập năm 1967 của Ma-lai-xi-a; hoặc

b. Điều 22, 23, 29, 35, và 37 của Đạo Luật Khuyến khích Đầu tư năm 1986 của Ma-lai-xi-a, với điều kiện các Điều khoản này vẫn có hiệu lực vào ngày ký Hiệp định này; hoặc

c. Các quy định khác mà sau này được ban hành tại Ma-lai-xi-a để sửa đổi, hay bổ sung các luật khuyến khích đầu tư với điều kiện được các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết thống nhất là các qui định đó về cơ bản có tính chất tương tự.

4/ Trường hợp một đối tượng cư trú của Ma-lai-xi-a nhận được thu nhập, phù hợp với các luật của Việt nam và các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Việt nam, Ma-lai-xi-a sẽ cho phép trừ vào số thuế thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tiền bằng số thuế đã nộp tại Việt nam. Tuy nhiên, số thuế được trừ như vậy sẽ không vượt quá phần thuế Ma-lai-xi-a được tính trên khoản thu nhập đó trước khi cho phép khấu trừ.

5/ Theo nội dung của khoản 4, thuật ngữ "số thuế đã nộp tại Việt nam" sẽ được coi là bao gồm số thuế Việt nam, theo các luật của Việt nam và phù hợp với Hiệp định này, lẽ ra phải nộp nếu không được miễn và giảm thuế Việt nam phù hợp với:

a. những quy định tại điều 26, 27, 28, 32 và 33 Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt nam (1987) và các quy định có liên quan, có hiệu lực vào ngày ký Hiệp định này hoặc sửa đổi chỉ trong phạm vi nhỏ sau ngày ký Hiệp định này; hay

b. các quy định khác mà sau này được ban hành tại Việt nam để sửa đổi, hay bổ sung, các luật hiện hành đối với các biện pháp khuyến khích đặc biệt được qui định để khuyến khích phát triển kinh tế tại Việt nam với điều kiện được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết thống nhất là các qui định đó về cơ bản có tính chất tương tự.

6/ Theo nội dung khấu trừ được nêu tại khoản 2 và 4 Điều này, thuế tính trên các khoản thu nhập sau sẽ được coi là 10 phần trăm tổng số khoản thu nhập khi thuế đã nộp được giảm dưới 10 phần trăm tổng số khoản thu nhập đó phù hợp với các biện pháp khuyến khích đặc biệt được quy định nhằm mục đích thúc đẩy sự phát triển kinh tế:

a. trong trường hợp thu nhập thu được từ Ma-lai-xi-a là thu nhập được nêu ở các Điều 11, 12 và 13;

b. trong trường hợp thu nhập thu được từ Việt nam là thu nhập được nêu ở các Điều 10, 11, 12, 13 và lợi tức chịu Thuế chuyển Lợi nhuận ra nước ngoài.

ĐIỀU 25

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1/ Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2/ Thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được hiểu là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào về thân phận dân sự và trách nhiệm gia đình mà Nước ký kết thứ nhất dành cho những đối tượng cư trú của mình.

3/ Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn thuộc sở hữu hoặc chịu sự kiểm soát, trực tiếp hay gián tiếp, bởi một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, sẽ không phải chịu ở Nước thứ nhất bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các xí nghiệp tương tự của Nước thứ nhất.

4/ Những qui định của khoản 2 và 3 Điều này, sẽ không áp dụng đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt nam, mà thuế này trong bất kỳ trường hợp nào sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số lợi tức chuyển ra nước ngoài , và thuế Việt nam đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

5/ Không có qui định nào tại Điều này sẽ được hiểu là buộc từng Nước ký kết phải dành cho các cá nhân không phải là đối tượng cư trú của Nước đó được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào mà Nước đó dành cho những cá nhân là đối tượng cư trú được hưởng.

6/ Không có qui định nào tại Điều này sẽ được hiểu là ngăn cản từng Nước ký kết trong việc hạn chế cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước đó được hưởng những khuyến khích về thuế được quy định nhằm mục đích thúc đẩy sự phát triển kinh tế tại Nước đó.

7/ Những qui định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế chịu sự điều chỉnh của Hiệp định.

ĐIỀU 26

THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1/ Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó là đối tượng cư trú mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn ba năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh việc đánh thuế không phù hợp với Hiệp định này.

3/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng cùng giải quyết mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích và áp dụng Hiệp định. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của những khoản trên dây.

ĐIỀU 27

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay các luật trong nước của hai Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước đó và sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan giám sát) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hay truy tố, hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng.

2/ Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

a. thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

b. cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

c. cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

ĐIỀU 28

CÁC VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của các viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

ĐIỀU 29

HIỆU LỰC

Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho Nước ký kết kia việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo luật của Nước đó để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thông báo sau cùng và sẽ có hiệu lực thi hành:

a. tại Việt nam:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến khoản thu nhập chịu thuế được chi trả vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực;

(ii) đối với các loại thuế Việt nam khác, liên quan đến thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực;

b. tại Ma-lai-xi-a:

(i) đối với thuế khấu trừ tại nguồn thu trên thu nhập do một đối tượng không phải là đối tượng cư trú thu được, liên quan đến thu nhập nhận được vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 trong năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo sau cùng;

(ii) đối với thuế Ma-lai-xi-a khác là năm bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 trong năm dương lịch thứ hai tiếp sau năm gửi thông báo sau cùng.

ĐIỀU 30

KẾT THÚC

Hiệp định này sẽ có hiệu lực về thời hạn, nhưng từng Nước ký kết có thể, trước hoặc vào ngày hoặc sau ngày 30 tháng 6 của bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu sau khi kết thúc thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, gửi cho Nước ký kết kia văn bản kết thúc Hiệp định, bằng đường ngoại giao. Trong trường hợp đó Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a. tại Việt nam :

(i) đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến khoản thu nhập chịu thuế được chi trả vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc;

(ii) đối với các loại thuế Việt nam khác, liên quan đến thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc, và trong những năm dương lịch tiếp theo;

b. tại Ma-lai-xi-a:

(i) đối với thuế khấu trừ tại nguồn thu trên thu nhập do một đối tượng không là đối tượng cư trú thu được, liên quan đến thu nhập nhận được vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc;

(ii) đối với thuế Ma-lai-xi-a khác là năm bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm dương lịch thứ hai tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc.

Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định được làm thành hai bản tại Kuala Lumpur ngày Bẩy tháng Chín năm một nghìn chín trăm chín mươi lăm gồm tiếng Việt, tiếng Ba-ha-sa Ma-lai-xi-a và tiếng Anh, ba văn bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự tranh chấp trong việc giải thích và áp dụng Hiệp định này, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

TM.CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TM.CHÍNH PHỦ
MA-LAI-XI-A

AGREEMENT BETWEEN THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM AND THE GOVERNMENT OF MALAYSIA FOR THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION AND THE PREVENTION OF FISCAL EVASION WITH RESPECT TO TAXES ON INCOME

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF MALAYSIA

DESIRING to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income, have agreed as follows:

Article 1

PERSONAL SCOPE

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

Article 2

TAXES COVERED

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed by a Contracting State, irrespective of the manner in which they are levied.

2. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

(a) in Malaysia:

(i) the income tax; and

(ii) the petroleum income tax;

(hereinafter referred to as "Malaysian tax");

(b) in Vietnam:

(i) the personal income tax;

(ii) the profit tax; and

(iii) the profit remittance tax;

(hereinafter referred to as "Vietnamese tax").

3. The Agreement shall also apply to any identical or substantially similar taxes which are imposed after the date of signature of this Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of important changes which have been made in their respective taxation laws.

Article 3

GENERAL DEFINITIONS

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

(a) the term "Malaysia" means the territories of the Federation of Malaysia, the territorial waters of Malaysia and the sea-bed and subsoil of the territorial waters, and includes any area extending beyond the limits of the territorial waters of Malaysia, and the sea-bed and subsoil of any such area, which has been or may hereafter be designated under the laws of Malaysia as in accordance with international law as an area over which Malaysia has sovereign rights for the purposes of exploring and exploiting the natural resources, whether living or non-living;

(b) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam, when used in a geographical sense, it means all its national territory, including its territorial sea and any area beyond and adjacent to its territorial sea, which has been or may hereafter be designated under the law of Vietnam as in accordance with international law as fallen within Vietnam's sovereign rights regarding exploration and exploitation of the natural resources thereof;

(c) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Malaysia or Vietnam as the context requires;

(d) the term "person" includes an individual, a company and any body of persons, which is treated as a person for tax purposes;

(e) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

(f) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

(g) the term "national" means:

(i) any individual possessing the nationality or citizenship of a Contracting State;

(ii) any legal person, partnership, association and any other entity deriving its status as such from the laws in force in a Contracting State;

(h) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise of a Contracting State, except when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting State;

(i) the term "competent authority" means:

(i) in the case of Malaysia, the Minister of Finance or his authorized representative;

and

(ii) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or his authorized representative; and

(j) the term "tax" means Malaysian tax or Vietnamese tax, as the context requires.

2. In the application of the Agreement by a Contracting State, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the laws of that State concerning the taxes to which the Agreement applies.

Article 4

RESIDENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means:

(a) in the case of Malaysia, a person who is resident in Malaysia for the purposes of Malaysian tax; and

(b) in the case of Vietnam, a person who is resident in Vietnam for the purposes of Vietnamese tax.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

(a) he shall be deemed to be a resident of the State in which he has a permanent home available to him. If he has a permanent home available to him in both States, he shall be deemed to be a resident of the State with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

(b) if the Contracting State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has no permanent home available to him in either State, he shall be deemed to be a resident of the State in which he has an habitual abode;

(c) if he has an habitual abode in both States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident of the State of which he is a national;

(d) if he is a national of both States or of neither of them, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

3. Where, by reason of the provisions of paragraph 1, a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident of the State in which its place of effective management is situated.

Article 5

PERMANENT ESTABLISHMENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of the enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

(a) a place of management;

(b) a branch;

(c) an office;

(d) a factory;

(e) a workshop;

(f) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources, including timber or other forest produce; and

(g) a farm or plantation.

3. A building site or construction, installation or assembly project constitutes a permanent establishment only if it lasts more than six months.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

(a) the use of facilities solely for the purpose of storage, display or delivery of goods or merchandise belonging to the enterprise;

(b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage, display or delivery;

(c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

(d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise, or of collecting information, for the enterprise;

(e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character;

(f) the maintenance of a fixed place of business solely for any combination of activities mentioned in sub-paragraphs (a) to (e), provided that the overall activity of the fixed place of business resulting from this combination is of a preparatory or auxiliary character.

5. An enterprise of a Contracting State shall be deemed to have a permanent establishment in the other Contracting State if it carries on supervisory activities in that other State for more than six months in connection with a construction, installation or assembly project which is being undertaken in that other State.

6. A person (other than a broker, general commission agent or any other agent of an independent status to whom paragraph 7 applies) acting in a Contracting State on behalf of an enterprise of the other Contracting State shall be deemed to be a permanent establishment in the first-mentioned State, if:

(a) he has, and habitually exercises in the first-mentioned State, an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, unless his activities are limited to the purchase of goods or merchandise for the enterprise;

(b) he maintains in the first-mentioned State a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise from which he regularly fills orders on behalf of the enterprise; or

(c) he manufactures or processes in the first-mentioned State for the enterprise goods or merchandise belonging to the enterprise.

7. An enterprise shall not be deemed to have a permanent establishment in a Contracting State merely because it carries on business in that State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, where such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent are devoted wholly or almost wholly on behalf of that enterprise, he shall not be considered an agent of an independent status if the transactions between the agent and the enterprise were not made under arm's length conditions.

8. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

Article 6

INCOME FROM IMMOVABLE PROPERTY

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. For the purposes of this Agreement, the term "immovable property" shall have the meaning which it has under the laws of the Contracting State in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, oil or gas wells, quarries and other places of extracting of natural resources including timber or other forest produce; ships, boats and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

Article 7

BUSINESS PROFITS

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other State but only on so much of thereof as is attributable to that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses including executive and general administrative expenses, which would be deductible if the permanent establishment were an independent enterprise, insofar as they are reasonably allocable to the permanent establishment, whether incurred in the State in which the permanent establishment is situated or elsewhere.

4. If the information available to the competent authority is inadequate to determine the profits to be attributed to the permanent establishment of an enterprise, nothing in this Article shall affect the application of any law of that State relating to the determination of the tax liability of a person by the exercise of a discretion or the making of an estimate by the competent authority, provided that the law shall be applied, so far as the information available to the competent authority permits, in accordance with the principle of this Article.

5. No profits shall be attributed to a permanent establishment by reason of the mere purchase by that permanent establishment of goods or merchandise for the enterprise.

6. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

7. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

Article 8

SHIPPING AND AIR TRANSPORT

1. Profits derived by an enterprise of a Contracting State from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in that Contracting State.

2. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

Article 9

ASSOCIATED ENTERPRISES

Where:

(a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State; or

(b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

Article 10

DIVIDENDS

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the dividends the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the dividends.

This paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. Dividends paid by a company which is a resident of Malaysia to a resident of Vietnam who is the beneficial owner thereof shall be exempt from any tax in Malaysia which is chargeable on dividends in addition to the tax chargeable in respect of the income of the company. Nothing in this paragraph shall affect the provisions of the Malaysian law under which the tax in respect of a dividend paid by a company which is a resident of Malaysia from which Malaysian tax has been, or has been deemed to be, deducted may be adjusted by reference to the rate of tax appropriate to the Malaysian year of assessment immediately following that in which the dividend was paid.

4. The term "dividends" as used in this Article means income from shares, mining shares, founders' share or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the State of which the company making the distribution is a resident.

5. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State, of which the company paying the dividends is a resident, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or such services. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

6. Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Contracting State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment situated in that other State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in that other State.

Article 11

INTEREST

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises, and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest, the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, the Government of a Contracting State shall be exempt from tax in the other Contracting State in respect of interest derived by the Government from that other State.

4. For the purposes of paragraph 3, the term "Government":

(a) in the case of Malaysia means the Government of Malaysia and shall include:

(i) the governments of the States;

(ii) the local authorities;

(iii) the Bank Negara Malaysia; and

(iv) such institutions, the capital of which is wholly owned by the Government of Malaysia or the governments of the States, or the local authorities thereof, as may be agreed upon from time to time between the competent authorities of the Contracting States;

(b) in the case of Vietnam means the Government of the Socialist Republic of Vietnam and shall include:

(i) the local authorities;

(ii) the State Bank of Vietnam; and

(iii) such institutions, the capital of which is wholly owned by the Government of the Socialist Republic of Vietnam, or the local authorities thereof, as may be agreed upon from time to time between the competent authorities of the Contracting States.

5. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and, in particular, income from government securities and income from bonds or debentures.

6. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with such permanent establishment or such services. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

7. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment, then such interest shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment is situated.

8. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest paid, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 12

ROYALTIES

1. Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise, and according to the laws of that Contracting State, but if the recipient is the beneficial owner of the royalties, the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the royalties.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films, or films or tapes used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with such permanent establishment or such services. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority, or a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment in connection with which the liability to pay the royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment, then such royalties shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the

excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 13

TECHNICAL FEES

1. Technical fees derived from one of the Contracting States by a resident of the other Contracting State who is the beneficial owner thereof and is subject to tax in that other State in respect thereof may be taxed in the first-mentioned Contracting State at a rate not exceeding 10 per cent of the gross amount of the technical fees.

2. The term "technical fees" as used in this Article means payments of any kind to any person, other than to an employee of the person making the payments, in consideration for any services of a technical, managerial or consultancy nature.

3. The provisions of paragraph 1 of this Article shall not apply if the beneficial owner of the technical fees, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the technical fees arise through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services, and the technical fees are effectively connected with such permanent establishment or such services. In such case the provisions of Article 7 or Article 15, as the case may be, shall apply.

4. Technical fees shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority thereof, or a resident of that State. Where, however, the person paying the technical fees, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment in connection with which the obligation to pay the technical fees was incurred, and such technical fees are borne by such permanent establishment, then such technical fees shall be deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment is situated.

5. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the technical fees paid exceeds, for whatever reason, the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 14

GAINS FROM THE ALIENATION OF PROPERTY

1. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of immovable property referred to in Article 6 and situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or together with the whole enterprise) may be taxed in that other State.

3. Gains derived by an enterprise of a Contracting State from the alienation of ships or aircraft operated in international traffic, or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft shall be taxable only in that State.

4. Gains from the alienation of shares of a company the property of which consist wholly or principally of immovable property situated in a Contracting State may be taxed in that State.

5. Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraphs 1, 2, 3 and 4 shall be taxable only in the State of which the alienator is a resident.

Article 15

INDEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Income derived by a resident of a Contracting State in respect of professional services or other independent activities of a similar character shall be taxable only in that State. However, in the following circumstances such income may be taxed in the other Contracting State:

(a) if his stay in the other State is for a period or periods amounting to or exceeding in the aggregate 183 days in the fiscal year concerned; or

(b) if the remuneration for his services in the other State is either derived from residents of that State or borne by a permanent establishment which a person not resident in that State has in that State and which, in either case exceeds 10,000 US dollars in the calendar year concerned, notwithstanding that his stay in that State is for a period or periods amounting to less than 183 days during that fiscal year.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

Article 16

DEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Subject to the provisions of Articles 17, 19, 20 and 21, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:

(a) the recipient is present in the other State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in the fiscal year concerned; and

(b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other State; and

(c) the remuneration is not borne by a resident or a permanent establishment which the employer has in the other State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic by an enterprise of a Contracting State may be taxed only in that State.

Article 17

DIRECTORS' FEES

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting State, may be taxed in that other State.

Article 18

ARTISTES AND SPORTSMEN

1. Notwithstanding the provisions of Articles 15 and 16 income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theatre, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsman, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsman in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsman himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 15 and 16, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or sportsman are exercised.

3. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply to remuneration or profits derived from activities exercised in a Contracting State if the visit to that State is directly or indirectly supported wholly or substantially from the public funds of the other Contracting State.

Article 19

PENSIONS

Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 20, pensions and other similar remuneration paid to a resident of a Contracting State in consideration of past employment shall be taxable only in that State.

Article 20

GOVERNMENT SERVICE

1. (a) Remuneration, other than a pension, paid by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or authority shall be taxable only in that State.

(b) However, such remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that State and the individual is a resident of that State who:

(i) is a national of that State; or

(ii) did not become a resident of that State solely for the purpose of rendering the services.

2. Any pension paid by, or out of funds created by, a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State, political subdivision, local authority shall be taxable only in that State.

3. The provisions of Articles 16, 17 and 19 shall apply to remuneration or pensions in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof.

4. Individuals performing Government service in this Article shall include personnel carrying on the function of Government, and also include those individuals working in statutory bodies which shall be agreed upon from time to time between the competent authorities of the Contracting States.

Article 21

STUDENTS AND TRAINEES

1. An individual who is a resident of a Contracting State immediately before making a visit to the other Contracting State and is temporarily present in the other State solely:

(a) as a student at a recognized university, college, school or other similar recognized educational institution in that other State;

(b) as a business or technical apprentice;

(c) as a recipient of a grant, allowance or award for the primary purpose of study, research or training from the Government of either State or from a scientific, educational, religious or charitable organization or under a technical assistance programme entered into by the Government of either State,

shall be exempt from tax in that other State on:

(i) all remittances from abroad for the purposes of his maintenance, education, study, research or training;

(ii) the amount of such grant, allowance or award; and

(iii) any remuneration not exceeding US$ 2,500 per annum in respect of services in that other State provided the services are performed in connection with his study, research or training or are necessary for the purposes of his maintenance.

Article 22

PROFESSORS, TEACHERS AND RESEARCHERS

1. An individual who is a resident of a Contracting State immediately before making a visit to the other Contracting State, and who, at the invitation of any university, college or other similar educational institution, which is recognized by the competent authority in that other Contracting State, visits that other State for a period not exceeding two years solely for the purpose of teaching or research or both at such educational institution shall be exempt from tax in that other State on any remuneration for such teaching or research which is subject to tax in the first-mentioned Contracting State.

2. This Article shall not apply to income from research if such research is undertaken primarily for the private benefit of a specific person or persons.

Article 23

OTHER INCOME

Items of income of a resident of a Contracting State which are not expressly mentioned in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that State except that if such income is derived from sources in the other Contracting State, it may also be taxed in that other State.

Article 24

ELIMINATION OF DOUBLE TAXATION

1. The laws in force in either of the Contracting States shall continue to govern the taxation of income in the respective Contracting States except when an express provision to the contrary is made in this Agreement. Where income is subject to tax in both Contracting States, relief from double taxation shall be given in accordance with the following paragraphs of this Article.

2. Where a resident of Vietnam derives income which, in accordance with the laws of Malaysia and the provisions of this Agreement, may be taxed in Malaysia, Vietnam shall allow as a deduction from the tax on income of that resident an amount equal to the tax paid in Malaysia. Such deduction shall not, however, exceed that part of the Vietnamese tax, as computed before the deduction is given, which is attributable to that income.

3. For the purposes of paragraph 2, the term "tax paid in Malaysia" shall be deemed to include Malaysian tax which would, under the laws of Malaysia and in accordance with this Agreement, have been payable on any income derived from sources in Malaysia had the income not been taxed at a reduced rate or exempted from Malaysian tax in accordance with:

(a) Schedule 7A of the Income Tax Act, 1967 of Malaysia; or

(b) Section 22, 23, 29, 35 and 37 of the Promotion of Investment Act, 1986 of Malaysia, so far as they were in force on the date of signature of this Agreement; or

(c) any other provisions which may subsequently be introduced in Malaysia in modification of, or in addition to, the investment incentives laws so far as they are agreed by the competent authorities of the Contracting States to be of a substantially similar character.

4. Where a resident of Malaysia derives income which, in accordance with the laws of Vietnam and the provisions of this Agreement, may be taxed in Vietnam, Malaysia shall allow as a deduction from the tax on income of that resident an amount equal to the tax paid in Vietnam. Such deduction shall not, however, exceed that part of the Malaysian tax, as computed before the deduction is given, which is attributable to that income.

5. For the purposes of paragraph 4, the term "tax paid in Vietnam" shall be deemed to include Vietnamese tax which, under the laws of Vietnam and in accordance with this Agreement, would have been paid had the Vietnamese tax not been exempted or reduced in accordance with:

(a) the provisions of the sections 26, 27, 28, 32 or 33 of the Law on Foreign Investment in Vietnam (1987) and connected regulations, as effective on the date of signature of this Agreement or as modified only in minor respects after the date of signature of this Agreement; or

(b) any other provisions which may subsequently be introduced in Vietnam in modification of, or in addition to, the existing laws in respect to special incentive measures designed to promote economic development in Vietnam in so far as they are agreed by the competent authorities of the Contracting States to be of a substantially similar character.

6. For the purposes of the credit referred to in paragraphs 2 and 4 of this Article, the tax imposed on the following items of income shall be deemed to be 10 per cent of the gross amount of the income where the tax paid is reduced to less than 10 per cent of the gross amount of such income in accordance with special incentive measures designed to promote economic development:

(a) in the case of income derived from Malaysia, income under Articles 11, 12 and 13;

(b) in the case of income derived from Vietnam, income under Articles 10, 11, 12, 13 and profits subject to Profits Remittance Tax.

Article 25

NON-DISCRIMINATION

1. Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other State in the same circumstances are or may be subjected.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favourably levied in that other State than the taxation levied on enterprises of that other State carrying on the same activities. This provision shall not be construed as obliging a Contracting State to grant to residents of the other Contracting State any personal allowances, reliefs and reductions for taxation purposes on account of civil status or family responsibilities which it grants to its own residents.

3. Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly, by one or more residents of the other Contracting State, shall not be subjected in the first-mentioned Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprise of the first-mentioned State are or may be subjected.

4. The provisions of paragraphs 2 and 3 of this Article shall not apply to the Vietnamese profit remittance tax, which in any case shall not exceed 10 per cent of the gross amount of profits remitted, and the Vietnamese taxation in respect of agricultural production activities.

5. Nothing contained in this Article shall be construed as obliging either Contracting State to grant to individuals not resident in that State any of the personal allowances, reliefs and reductions for tax purposes which are granted to individuals so resident.

6. Nothing in this Article shall be construed so as to prevent either Contracting State from limiting to its nationals the enjoyment of tax incentives designed to promote economic development in that State.

7. The provisions of this Article shall apply only to the taxes which are the subject of this Agreement.

Article 26

MUTUAL AGREEMENT PROCEDURE

1. Where a person who is a resident of a Contracting State considers that the actions of the competent authority of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which the person is a resident. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at an appropriate solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with the Agreement.

3. The competent authorities of the Contracting States shall endeavour to resolve by mutual agreement any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in the Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly for the purposes of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs.

Article 27

EXCHANGE OF INFORMATION

1. The competent authorities of the Contracting State shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement or of the domestic laws of the Contracting States concerning taxes covered by the Agreement insofar as the taxation thereunder is not contrary to the Agreement. Any information received by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts or reviewing authorities) involved in the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to, the taxes covered by the Agreement.

2. In no case shall the provisions of paragraph 1 be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

(a) to carry out administrative measures at variance with the laws or the administrative practice of that or of the other Contracting State;

(b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

(c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy.

Article 28

DIPLOMATIC AND CONSULAR OFFICERS

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of diplomatic or consular officers under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

Article 29

ENTRY INTO FORCE

Each of the Contracting State shall notify to the other Contracting State the completion of the procedures required by its law for bringing into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the date of the later of these notifications and shall thereupon have effect:

(a) in Vietnam:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amount paid on or after 1 January following the calendar year in which the Agreement enters into force;

(ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising in the calendar year following the calendar year in which the Agreement enters into force;

(b) in Malaysia:

(i) in respect of withholding tax on income that is derived by a non-resident, in relation to income derived on or after 1 January in the calendar year next following that in which the later of these notifications is given;

(ii) in respect to other Malaysian tax for a year beginning on or after 1 January in the second calendar year following the year in which the later of these notifications is given.

Article 30

TERMINATION

This Agreement shall remain in force indefinitely, but either of Contracting States may, on or before 30th of June in any calendar year beginning after the expiration of a period of five years from the date of its entry into force, give to the other Contracting State, through the diplomatic channels, written notice of termination. In such event the Agreement shall cease to have effect:

(a) in Vietnam:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amount paid on or after 1 January following the calendar year in which the notice of termination is given;

(ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising in the calendar year following the calendar year in which the notice of termination is given, and in subsequent calendar years;

(b) in Malaysia:

(i) in respect of withholding tax on income that is derived by a non-resident , in relation to income derived on or after 1 January in the calendar year next following that in which the notice is given;

(ii) in respect of other Malaysian tax for a year beginning on or after 1 January of the second calendar year following the year in which the notice is given.

IN WITNESS whereof the undersigned, being duly authorized thereto, by their respective Governments, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Kuala Lumpur this 7th day of September 1995, each in the Vietnamese language, Bahasa Malaysia and the English language, the three texts being equally authentic. In the event of there being a dispute in the interpretation and the application of this Agreement, the English text shall prevail.

For the Government of
The Socialist Republic of Vietnam

For the Government of
Malaysia